

ha và tổng số vốn gần 1.000 tỷ đồng. Chính những trang trại này đã thu hút một lực lượng lao động không nhỏ, tạo việc làm và thu nhập ổn định cho người nông dân.

Chất lượng cuộc sống của người nông dân Đồng Nai cũng tăng rất nhanh. Đến năm 2004, thu nhập trung bình của một người dân nông thôn đạt 549,5 nghìn đồng/tháng, tăng 32% so với mức của năm 2000. Khoảng cách chênh lệch giữa hộ giàu và hộ nghèo ở nông thôn cũng được thu hẹp lại, nếu năm 2001 mức chênh lệch này là 6,63 lần thì đến năm 2004 chỉ còn 4,88 lần. Ở khu vực nông thôn đã hình thành thêm nhiều trung tâm, thị tứ mới với hệ thống kết cấu hạ tầng khá hoàn thiện, làm giảm sự cách biệt giữa thành thị và nông thôn. Đến nay, 100% số xã đã có điện quốc gia với hơn 90% số hộ nông dân được dùng điện, 90% số hộ nông thôn được dùng nước hợp vệ sinh, 100% số xã có đường giao thông đến trung tâm xã, 100% số xã có đường điện thoại và thư báo trong ngày, 100% xã có trường tiểu học và 100% số xã hoàn thành phổ cập trung học cơ sở.

Đồng Nai cũng thực hiện tốt công tác xoá đói, giảm nghèo. Với sự phối hợp chặt chẽ giữa các ban, ngành của chính quyền với các tổ chức mặt trận và đoàn thể trong triển khai thực hiện các biện pháp lồng ghép chương trình xoá đói, giảm nghèo với các chương trình mục tiêu quốc gia, chỉ tính trong 5 năm gần đây, toàn tỉnh đã xoá được 46.407 hộ nghèo, đưa tỷ lệ hộ nghèo từ 12,59% năm 2000 xuống còn 2% năm 2005.

c. Thương mại, du lịch, dịch vụ

*** Thương mại**

- Thương mại thời kỳ trước đổi mới

Ngành thương nghiệp trong thời kỳ này chủ yếu bao gồm công ty thương nghiệp quốc doanh và hợp tác xã mua bán, hay còn được gọi là thương nghiệp xã hội chủ nghĩa. Nhiệm vụ chủ yếu của ngành thương nghiệp Đồng Nai là thu mua nông sản và sản phẩm tiểu thủ công mỹ nghệ. Theo số liệu thống kê không đầy đủ, doanh số bán ra của ngành thương nghiệp xã hội chủ nghĩa Đồng Nai năm 1985 đạt 116 tỷ đồng, gấp 63 lần mức của năm 1976. Tính đến thời điểm đó, thương nghiệp quốc doanh và hệ thống các hợp tác xã mua bán đảm nhận 90% khâu bán buôn

và chiếm khoảng trên 54% bán lẻ hàng hóa và dịch vụ phục vụ cho sản xuất và đời sống nhân dân trên địa bàn. Các hộ thương nghiệp cá thể chỉ chiếm tỷ lệ nhỏ và chủ yếu phục vụ bán lẻ những mặt hàng tiêu dùng hàng ngày.

Bảng 4: Tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ ở Đồng Nai qua các năm

	1976	1980	1985	1990	1995	2000	2004
Tổng mức bán lẻ (triệu đồng)	36	59	1250	461459	2936237	6785764	12854563
- Thương nghiệp quốc doanh	17	29,90	513	144658	601388	612541	1784053
- Tập thể (hợp tác xã mua bán)		5,6	162	11256	5700	14895	43067
- Thương nghiệp ngoài quốc doanh	19	27	575	305545	2329149	5649753	9963142
- Doanh nghiệp đầu tư trực tiếp nước ngoài	-	-	-	-	-	508575	1064301
Cơ cấu bán lẻ (%)	100	100	100	100	100	100	100
- Thương nghiệp quốc doanh	47,30	45,50	41,00	31,30	20,48	9,03	13,88
- Tập thể (hợp tác xã mua bán)		9,50	12,90	2,50	0,19	0,22	0,34
- Thương nghiệp ngoài quốc doanh	52,70	45,00	46,10	66,20	79,33	83,26	77,51
- Doanh nghiệp đầu tư trực tiếp nước ngoài	-	-	-	-	-	7,49	8,28

Nguồn: Báo cáo của Sở Thương mại và Du lịch Đồng Nai, tháng 11-2004.

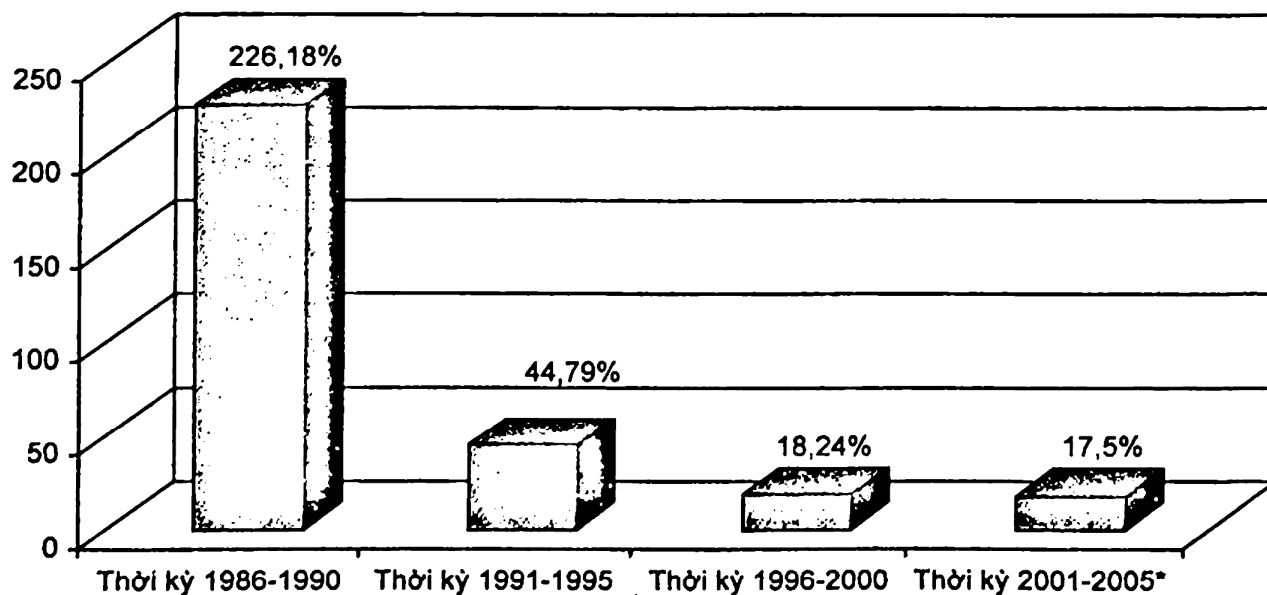
- Thương mại thời kỳ sau đổi mới từ 1986 đến nay

Thương nghiệp Đồng Nai thời kỳ đầu đổi mới có nhiều biến động:

Hàng loạt các hợp tác xã mua bán giải thể; thương nghiệp quốc doanh không còn được bao cấp bắt đầu bộc lộ nhiều yếu điểm và bị thua lỗ kéo dài trước sức ép cạnh tranh của thị trường, đã buộc phải có những thay đổi về tổ chức và hình thức kinh doanh, tập trung vào bán buôn và chi phối bán lẻ. Trong khi đó, thị trường trong và ngoài nước bắt đầu được khai thông, những rào cản hành chính quan liêu từng bước được tháo bỏ, thúc đẩy lưu thông hàng hóa trên khắp cả nước đã khuyến khích sự tham gia mạnh mẽ của khu vực thương nghiệp ngoài quốc doanh với số lượng lớn hộ kinh doanh thương nghiệp cá thể trải khắp từ thành thị đến vùng sâu, vùng xa, ở nông thôn và miền núi. Đến cuối những năm 1980, khu vực thương nghiệp ngoài quốc doanh chiếm 60-70% thị trường bán lẻ hàng hóa dịch vụ.

Tính đến năm 1990, tổng mức bán lẻ hàng hóa dịch vụ của tỉnh đã đạt 461 tỷ đồng, tăng gấp 370 lần so với năm 1985. Tính chung cho cả giai đoạn 1986-1990, tổng mức lưu chuyển hàng hóa bán lẻ tăng bình quân 226,2%/năm, trong đó đáng chú ý là sự tăng trưởng vượt bậc của thương nghiệp ngoài quốc doanh, với tốc độ tăng trưởng bình quân cho cả giai đoạn là 250%/năm.

Biểu 13. Tốc độ tăng trưởng tổng mức bán lẻ bình quân qua một số giai đoạn



Chú thích: * ước tính.

Nguồn: Báo cáo của Sở Thương mại và Du lịch Đồng Nai, tháng 11-2004.

Thương mại - dịch vụ Đồng Nai thực sự phát triển mạnh mẽ từ sau 1990 khi cơ chế thị trường bắt đầu hoạt động ổn định. Đây cũng là thời điểm nền kinh tế cả nước hồi phục và bắt đầu cất cánh với tốc độ tăng trưởng hàng năm hai con số. Đặc biệt là giai đoạn 1991-1995, lưu thông hàng hóa được khuyến khích và phát triển, mở rộng thông suốt, chủng loại hàng hóa phong phú đa dạng. Tốc độ tăng tổng mức lưu chuyển hàng hóa riêng trong giai đoạn này trung bình đạt 44,8%/năm, tốc độ tăng trưởng của cả khu vực thương mại, dịch vụ trung bình đạt 9%/năm, cao nhất trong cả thời kỳ 30 năm. Một điểm đáng chú ý là trong thương mại đã có sự phân công rõ nét giữa thương nghiệp quốc doanh với nhiệm vụ trọng tâm là giữ những khâu then chốt trong cung ứng vật tư, hàng hóa thiết yếu và thương nghiệp ngoài quốc doanh tập trung đảm trách những khâu bán lẻ trực tiếp đến người tiêu dùng.

Giai đoạn từ 1996 đến nay, ngành thương mại - dịch vụ Đồng Nai vẫn tiếp tục tăng trưởng ổn định mặc dù tốc độ tăng trưởng có chậm hơn so với thời kỳ 5 năm trước đó. Điều này là dễ hiểu, vì sau thời điểm phát triển mạnh từ xuất phát điểm ở mức thấp, tốc độ tăng trưởng chậm lại và có xu hướng ổn định hơn. Mặc dù tốc độ tăng trưởng có chậm lại, tổng mức bán lẻ tính bình quân cả thời kỳ này (đến năm 2003) vẫn đạt mức khá cao, khoảng 18%/năm. Năm 2004, tổng mức bán lẻ hàng hóa dịch vụ của Đồng Nai thực hiện được 13.760.220 triệu đồng.

Hoạt động thương mại của Đồng Nai đến thời điểm này đã có sự tham gia của tất cả các thành phần kinh tế, từ các doanh nghiệp quốc doanh, hợp tác xã mua bán đến những công ty thương mại tư nhân và cả các tổ hợp siêu thị bán lẻ quốc tế lớn như Big C, đảm nhận từ khâu bán buôn qua các đại lý trung gian đến khâu bán lẻ trải khắp đến tận vùng nông thôn hẻo lánh. Tính đến nay, trên địa bàn Đồng Nai đã có 20 cơ sở thương nghiệp quốc doanh (trong đó có 3 công ty thương nghiệp quốc doanh trung ương), 12 hợp tác xã thương nghiệp, 12 công ty thương mại cổ phần, 215 công ty trách nhiệm hữu hạn, 615 doanh nghiệp tư nhân, 10 doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và gần 60 nghìn hộ kinh doanh cá thể.

Tỉnh cũng đã thực hiện quy hoạch và đầu tư nâng cấp kết cấu hạ tầng thương mại bao gồm từ hệ thống kho bãi đến hệ thống chợ trên

toàn tỉnh. Điều này có ý nghĩa hết sức quan trọng, vừa đảm bảo cho lưu thông hàng hóa thông suốt, phục vụ cho sản xuất và tiêu dùng, vừa giúp quản lý hoạt động thương mại theo nền nếp. Đồng thời tỉnh cũng đã có nhiều biện pháp chính sách hỗ trợ thương nghiệp miền núi, vùng sâu, vùng xa và đồng bào dân tộc như trợ giá, trợ cước vận chuyển, nhiều mặt hàng được cấp phát cho đối tượng thụ hưởng là hộ nghèo, hộ đặc biệt khó khăn. Điều này vừa đảm bảo thực hiện công bằng xã hội nhưng cũng vừa có tác động tích cực khuyến khích các doanh nghiệp mở rộng mạng lưới kinh doanh phục vụ miền núi, tạo điều kiện cho những vùng này phát triển kinh tế.

Tóm lại, trong thời gian qua ngành thương mại Đồng Nai đã có những bước tiến nhảy vọt cả về chất lượng lẫn số lượng, thúc đẩy hàng hóa lưu thông thông suốt với tất cả chủng loại hàng hóa dịch vụ phục vụ cho nhu cầu sản xuất và phát triển. Ngành thương mại đã góp phần không nhỏ vào quá trình phát triển kinh tế nhanh chóng của tỉnh trong nhiều năm qua. Tuy nhiên, hoạt động thương mại của Đồng Nai cũng còn một số yếu kém, bất cập. Đó là vẫn chưa bảo đảm được sự gắn kết thực sự và ổn định giữa khâu sản xuất với khâu tiêu thụ mà có thể thấy rõ nhất trong hệ thống thu mua nông sản phục vụ công nghiệp chế biến (bông, điều), hệ thống cung ứng cây giống cho nông dân, hệ thống cung cấp các đầu vào cho nông nghiệp như phân bón, thuốc trừ sâu. Sở Thương mại - Du lịch vẫn chưa có sự phối kết hợp và chủ động trong việc cung cấp thông tin về dự báo giá cả, cung cầu của nhiều mặt hàng quan trọng cho các doanh nghiệp sản xuất - kinh doanh trên địa bàn. Một điểm yếu nữa cần đề cập đó là sự định hướng chưa rõ nét của các doanh nghiệp thương mại quốc doanh, thể hiện qua sức cạnh tranh yếu hiện nay, do vậy rất cần có sự đổi mới cả về quản lý cũng như phương thức hoạt động để có thể đứng vững trong bối cảnh hội nhập quốc tế đang diễn ra nhanh chóng.

** Du lịch*

Kinh doanh du lịch ở Đồng Nai thời kỳ trước đổi mới khá nghèo nàn, chủ yếu chỉ là một số cơ sở du lịch tiếp quản từ chế độ cũ, không làm nhiệm vụ kinh doanh mà chỉ phục vụ các đoàn khách của Đảng và Nhà nước, các đoàn chuyên gia làm việc tại tỉnh.

Chỉ đến năm 1991, sau khi điều chỉnh địa giới tỉnh Đồng Nai lần thứ hai (tách tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu), thì du lịch Đồng Nai bắt đầu được chú trọng đầu tư phát triển. Với tiềm năng du lịch sẵn có, kết hợp với các tỉnh lân cận, ngành du lịch Đồng Nai đã từng bước phát triển, đóng góp đáng kể cho sự phát triển kinh tế chung của tỉnh. Nhiều cơ sở du lịch đã được đầu tư nâng cấp, số đơn vị đăng ký kinh doanh khách sạn, nhà hàng, du lịch ngày càng nhiều. Đến năm 1995, trên địa bàn tỉnh đã có 10 công ty du lịch, gần 6.000 hộ kinh doanh du lịch, với tổng số lao động trong ngành du lịch là 16.500 người. Doanh thu du lịch năm 1995 đã tăng nhanh và đạt gần 120 tỷ đồng, tăng gần 7 lần so với năm 1990.

Tuy nhiên, trong giai đoạn 1996 đến nay, kinh doanh du lịch của Đồng Nai có chiều hướng tăng chậm lại và có thời điểm suy giảm. Trong khoảng thời gian 1996-2000, hoạt động du lịch ở Đồng Nai chủ yếu tập trung khai thác các dịch vụ ăn uống, khách sạn và một số dịch vụ vui chơi giải trí, trong khi đó việc khai thác hình thức du lịch lữ hành còn rất hạn chế. Lý do là đầu tư vào các điểm du lịch chưa được chú trọng thỏa đáng đủ sức hấp dẫn khách du lịch, hơn nữa tiềm năng du lịch của Đồng Nai không mạnh so với những tỉnh lân cận có nhiều lợi thế và được đầu tư mạnh hơn như Thành phố Hồ Chí Minh, Bà Rịa - Vũng Tàu. Năm 2000, doanh thu du lịch chỉ đạt xấp xỉ 100 tỷ đồng, bằng 76% so với mức của năm 1996.

Có thể thấy rõ hơn vị trí của ngành du lịch hiện nay của Đồng Nai qua số liệu của Viện Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh, trong đó Thành phố Hồ Chí Minh vẫn chiếm tỷ trọng lớn nhất (trên 70%) trong tổng số doanh thu du lịch của vùng kinh tế trọng điểm trong giai đoạn 1996-2001. Kế đến là Bà Rịa - Vũng Tàu (đạt từ 14,83% đến 25,20%), còn Đồng Nai đạt từ 2,36% đến 4,15%, và cuối cùng là Bình Dương chiếm tỷ trọng không đáng kể (dưới 2%) trong cùng giai đoạn trên.

Trước tình hình kinh doanh du lịch của tỉnh có chiều hướng đi xuống, tỉnh Đồng Nai đã có nhiều biện pháp khắc phục bằng việc quan tâm chỉ đạo và khuyến khích đầu tư, có kế hoạch phát triển ngành du lịch dài hạn hơn. Đặc biệt là tỉnh đã thành lập Ban chỉ đạo về Du lịch với nhiệm vụ thúc đẩy phát triển du lịch của Đồng Nai. Với sự quan tâm chỉ đạo cùng với những biện pháp khuyến khích ưu đãi đầu tư du lịch, nhiều điểm du lịch đã được

đầu tư mới hay nâng cấp, hứa hẹn tiềm năng thu hút khách du lịch lớn như Vườn Quốc gia Cát Tiên, khu du lịch Đảo Ó Đồng Trường, tuyến du lịch sông Đồng Nai, trung tâm du lịch Bửu Long. Du lịch Đồng Nai chuyển hướng sang tập trung khai thác du lịch sinh thái, du lịch vườn và du lịch văn hóa lễ hội với những chương trình hấp dẫn, độc đáo, đậm đà bản sắc dân tộc. Nhờ vậy, đến năm 2003, doanh thu du lịch đã hồi phục cho dù có những yếu tố mất ổn định (như vụ khủng bố 11-9, dịch SARS) ảnh hưởng trực tiếp đến ngành du lịch của Việt Nam (trong đó có Đồng Nai). Doanh thu du lịch năm 2003 của Đồng Nai đạt 128 tỷ đồng, tăng 120% so với năm 2001. Hiện nay, Đồng Nai đã có 38 doanh nghiệp và hơn 12 nghìn hộ kinh doanh du lịch, thu hút một lực lượng lao động lên tới 21 nghìn người.

** Dịch vụ*

Ở trên đã phân tích chi tiết hai bộ phận quan trọng trong khu vực dịch vụ của Đồng Nai là hoạt động thương mại và du lịch, phần này sẽ đề cập đến những hoạt động dịch vụ khác (bao gồm toàn bộ các loại hình dịch vụ từ tín dụng ngân hàng, bảo hiểm, vận tải hành khách, hàng hoá, các dịch vụ sản xuất - kinh doanh như bưu điện viễn thông, điện, nước và cho đến những hoạt động dịch vụ tiêu dùng như sửa chữa, tư vấn, hay cắt tóc...). Tuy không đi vào phân tích chi tiết dựa trên số liệu thống kê về giá trị sản xuất cuối cùng của từng hoạt động dịch vụ với lý do chúng đã được tính chung vào sự đóng góp của cả khu vực dịch vụ vào nền kinh tế Đồng Nai. Song, phần này đưa ra những nhận xét về mặt định tính đối với một số hoạt động dịch vụ chủ yếu.

- Tín dụng, ngân hàng, bưu chính - viễn thông và bảo hiểm

Các hoạt động dịch vụ ngân hàng, bưu chính - viễn thông, bảo hiểm đã có những bước tiến dài trong 30 năm qua. Tính đến nay, trên địa bàn Đồng Nai đã có 6 ngân hàng thương mại nhà nước với 9 chi nhánh ở các huyện, 22 chi nhánh ở các xã, phường, tham gia vào hoạt động đầu tư, tín dụng, ký gửi, bảo lãnh, thanh toán, thu đổi ngoại tệ... Ngoài hệ thống ngân hàng thương mại còn có 1 ngân hàng cổ phần và 19 quỹ tín dụng nhân dân cơ sở trên địa bàn các xã, phường. Sự phát triển của hệ thống tín dụng ngân hàng trong các năm qua đã góp phần quan trọng vào việc huy động vốn phục vụ cho sản xuất - kinh doanh, đặc biệt là đáp ứng nhu cầu vốn cho sản xuất

nông nghiệp, phát triển các ngành nghề ở khu vực nông thôn, tạo điều kiện thuận lợi cho khu vực nông thôn tiến nhanh cùng thành thị.

Tốc độ tăng trưởng kinh tế trong những năm qua đã tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động của hệ thống ngân hàng nói chung và mở rộng tín dụng nói riêng của Đồng Nai. Đồng thời nhiều chủ trương, chính sách ban hành của Nhà nước nhằm tạo hành lang pháp lý thông thoáng hơn cũng giúp cho hoạt động ngân hàng ngày càng sôi nổi, phục vụ đắc lực cho phát triển kinh tế trên địa bàn tỉnh. Tính riêng cho cả năm 2003, tổng nguồn vốn huy động được trong hệ thống ngân hàng Đồng Nai đạt 10,4 nghìn tỷ đồng, tăng 22,4% so với cùng kỳ năm trước, trong đó nguồn vốn huy động tại chỗ đạt gần 7 nghìn tỷ đồng, tăng 33,58%. Tổng doanh số cho vay năm 2003 đạt 15,5 nghìn tỷ đồng, tăng 28,47% so với năm 2002. Hoạt động của hệ thống ngân hàng Đồng Nai cũng cho thấy sự lành mạnh hóa nếu xét đến tỷ lệ nợ xấu (năm 2003) chỉ chiếm 1,86% trên tổng dư nợ, giảm so với con số năm 2002 là 2,64% và nhỏ hơn rất nhiều so với tỷ lệ này của toàn bộ hệ thống ngân hàng cả nước là 5,79%⁽¹⁾.

Nhìn chung, các ngân hàng và tổ chức tín dụng Đồng Nai trong nhiều năm qua đã đáp ứng đầy đủ, kịp thời nhu cầu vốn cho các phương án sản xuất - kinh doanh, dịch vụ có hiệu quả và khả thi của các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế, đặc biệt là các chương trình đầu tư chiều sâu, đổi mới công nghệ, trang thiết bị, góp phần làm tăng sức cạnh tranh sản phẩm, đẩy nhanh tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp và phát triển nông thôn. Các hoạt động dịch vụ ngân hàng cũng ngày càng mở rộng và phát triển như dịch vụ thu ngân trực tiếp tại doanh nghiệp, dịch vụ nhận và chi trả kiều hối, dịch vụ bảo lãnh và các dịch vụ thanh toán khác. Những hoạt động dịch vụ ngân hàng này không những làm tăng nguồn vốn và tăng doanh thu của ngành ngân hàng mà còn tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động sản xuất - kinh doanh của các doanh nghiệp. Hiện tại, hệ thống ngân hàng Đồng Nai đang tiếp tục hoàn thiện và mở ra nhiều loại dịch vụ mới như các hình thức chuyển tiền và thanh toán điện tử, thẻ tín dụng và máy ATM, ngân hàng điện tử giao

⁽¹⁾ Số liệu báo cáo của Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tỉnh Đồng Nai tháng 2-2004.

dịch trực tuyến... Những dịch vụ này sẽ đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của một nền kinh tế công nghiệp hiện đại.

Ngành bưu chính - viễn thông Đồng Nai đã có bước tiến dài về cơ sở vật chất, phương thức và hiệu quả hoạt động. Từ cơ sở vật chất ban đầu còn thô sơ tiếp quản từ chế độ cũ, hiện nay mạng lưới bưu chính - viễn thông của Đồng Nai đã được thiết lập trên địa bàn toàn tỉnh; số lượng bưu cục ngày càng nhiều; nhiều loại hình dịch vụ mới ra đời; chất lượng phục vụ ngày càng được nâng cao; ở một số khâu công nghệ, ngành bưu chính - viễn thông Đồng Nai có trình độ tương đương với các nước phát triển trong khu vực và trên thế giới, góp phần quan trọng tạo nên những thành tựu trong xây dựng và phát triển kinh tế của tỉnh thời gian qua.

Tuy nhiên, hiện nay ngành bưu chính - viễn thông Đồng Nai cũng bộc lộ một số hạn chế làm cản trở quá trình phát triển kinh tế của tỉnh và của bản thân ngành bưu chính - viễn thông, đó là: ngành mới chỉ đáp ứng được một phần nhu cầu thông tin trong giai đoạn hiện tại, chất lượng dịch vụ còn hạn chế, giá cước một số loại dịch vụ còn cao...

Hoạt động bảo hiểm, mặc dù mới hình thành nhưng đã có những hoạt động đóng góp cho sự phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh. Đến nay, đã có nhiều công ty bảo hiểm hoạt động trên địa bàn Đồng Nai cung cấp toàn bộ những dịch vụ bảo hiểm hiện có ở Việt Nam. Đó là những công ty bảo hiểm lớn gồm Bảo Việt, Bảo Minh, Prudential, AIA và Công ty Bảo hiểm Viễn Đông (VASS)... Tuy nhiên, hoạt động bảo hiểm chủ yếu của những công ty này vẫn là bảo hiểm nhân thọ, các hoạt động bảo hiểm phi nhân thọ vẫn còn chưa mạnh. Trong tương lai khi đời sống kinh tế - xã hội ngày càng phát triển, chắc chắn hoạt động bảo hiểm sẽ đóng góp ngày càng nhiều trong khu vực dịch vụ nói chung của Đồng Nai.

- Vận tải hành khách và vận tải hàng hoá

Ngành vận tải Đồng Nai đã có đóng góp đáng kể vào sự phát triển chung của lĩnh vực thương mại - dịch vụ trong những năm qua. Với hệ thống giao thông đường bộ và đường sông không ngừng được phát triển mới và hoàn thiện⁽¹⁾, ngành vận tải hành khách và hàng hóa trên địa bàn

⁽¹⁾ Tính đến nay, Đồng Nai đã có đường ô tô đi đến tận trung tâm của 100% xã, phường và các vùng chuyên canh, với tỷ lệ đường nhựa chiếm gần 20%.

tỉnh Đồng Nai đang đáp ứng nhu cầu lưu thông hàng hóa và hành khách ngày càng tăng.

Kể từ khi bắt đầu đổi mới, các doanh nghiệp vận tải quốc doanh của Đồng Nai đã có những chuyển biến thực sự trong việc nâng cao chất lượng phục vụ. Các doanh nghiệp này đã đầu tư mới nhiều tỷ đồng để phát triển luồng tuyến, tăng cường năng lực vận tải. Nhiều doanh nghiệp đã chủ động phối hợp với các doanh nghiệp sản xuất mở ra các hoạt động vận chuyển đưa đón công nhân. Nhiều tuyến xe buýt mới như tuyến Biên Hòa - Sài Gòn và nhiều tuyến liên tỉnh kết nối Đồng Nai đi khắp cả nước đã đi vào hoạt động ổn định.

Khu vực ngoài quốc doanh được khuyến khích phát triển, ngoài mô hình hợp tác xã vận tải, trên địa bàn Đồng Nai hiện nay đã có thêm nhiều công ty cổ phần, doanh nghiệp tư nhân, công ty trách nhiệm hữu hạn và một số lượng lớn lên đến trên chục nghìn hộ hoạt động kinh doanh vận tải. Tổng số lao động trong ngành vận tải tính đến năm 2002 lên đến 23 nghìn người. Riêng năm 2004, ngành vận tải Đồng Nai đã vận chuyển hơn 34 triệu lượt hành khách và trên 17 triệu tấn hàng hoá.

Dịch vụ vận tải đường sông mặc dù chỉ chiếm tỷ trọng nhỏ (khoảng 6%) trong toàn bộ hoạt động vận tải hàng hóa nhưng cũng đang phát triển tốt, góp phần làm giảm chi phí sản xuất và giảm tải cho vận tải đường bộ. Với địa hình thuận lợi của mình, Đồng Nai có nhiều tiềm năng phát triển loại hình vận tải đường sông này trong thời gian tới.

- Dịch vụ cảng

Các dịch vụ cảng phục vụ cho hoạt động kinh tế ở Đồng Nai khá phát triển và mang lại những kết quả đáng kể. Đến nay hệ thống cảng trên địa bàn tỉnh đã khá hoàn chỉnh, ngoài các cảng Long Bình Tân tiếp nhận tàu đến 2.000 tấn, cảng Gò Dầu A, Gò Dầu B tiếp nhận tàu từ 15.000 đến 20.000 tấn đang được đầu tư nâng cấp và khai thác, còn có một số cảng chuyên dùng như cảng Cogido, cảng Proconco, cảng Vedan, cảng Phốt phát... nâng công suất bốc xếp hiện nay lên đến gần 2 triệu tấn/năm (ước 2005). Tỉnh đang tiếp tục quy hoạch lập dự án phát triển thêm một số cảng như Phú Hữu, Phước An, Thị Vải nâng công suất bốc xếp lên 30

triệu tấn năm phục vụ cho công cuộc xây dựng và phát triển kinh tế từ nay đến năm 2010 và những năm tiếp theo.

Tuy nhiên, xung quanh hệ thống cảng và dịch vụ cảng ở Đồng Nai cũng tồn tại một số vấn đề tác động tiêu cực đến phát triển kinh tế của tỉnh hiện nay, đó là phí dịch vụ cảng biển còn khá cao, khả năng bốc xếp chưa đáp ứng được nhu cầu thực tế, việc đầu tư xây dựng hệ thống cảng của tỉnh chưa được đặt trong mối quan hệ vùng kinh tế⁽¹⁾...

- Dịch vụ kinh doanh bất động sản

Hiện tại, ở Đồng Nai đã có thị trường bất động sản nhưng thị trường chính thức hình thành chậm, chưa đủ sức thu hút các giao dịch bất động sản ngày càng nhiều của dân cư. Đến nay, trên địa bàn tỉnh vẫn chưa có các trung tâm hoặc công ty môi giới bất động sản đăng ký chính thức.

Dịch vụ cho thuê bất động sản chủ yếu bao gồm dịch vụ cho thuê nhà ở và thuê đất khu công nghiệp. Dịch vụ cho thuê đất ở các khu công nghiệp diễn ra có tổ chức thông qua hoạt động của các công ty xây dựng hạ tầng khu công nghiệp hoặc Ban quản lý khu công nghiệp. Dịch vụ cho thuê nhà ở ở Đồng Nai chưa đáp ứng được yêu cầu đặt ra và còn bộc lộ nhiều bất cập: chưa được quy hoạch và quản lý chặt chẽ.

Dịch vụ môi giới đất đai ở Đồng Nai chưa được tổ chức và khuyến khích đủ mức.

Tình trạng nói trên chủ yếu là do thủ tục hành chính trong quản lý thị trường bất động sản còn rườm rà, phức tạp, thiếu thống nhất.

- Dịch vụ tư vấn

+ *Dịch vụ tư vấn pháp lý:* Hiện tại, Đồng Nai đã có một số tổ chức cung cấp loại dịch vụ này như Đoàn Luật sư tỉnh Đồng Nai; 24 văn phòng luật sư; tổ chức tư vấn pháp lý của Liên đoàn lao động tỉnh; tư vấn pháp luật về nhà đất của Sở Tài nguyên và Môi trường; tư vấn qua điện thoại 108; tư vấn của hội viên Hội Luật gia Đồng Nai; tư vấn tiếp dân của các huyện, thị xã, thành phố...

⁽¹⁾ Quy hoạch và xây dựng hệ thống cảng ở Đồng Nai không chỉ là sự quan tâm ở cấp địa phương mà còn phải đặt trong quy hoạch phát triển của cả vùng kinh tế để đảm bảo một sự phát triển đồng bộ và phát huy sức mạnh tổng thể. Việc đầu tư dàn trải, không tính đến hiệu quả kinh tế - xã hội chung sẽ dẫn đến lãng phí lớn.

Tuy nhiên, số luật sư am hiểu và thông thạo luật kinh tế quốc tế để trợ giúp và tư vấn cho doanh nghiệp trong các vụ tranh chấp có yếu tố nước ngoài còn ít và đây cũng là bất cập lớn nhất của dịch vụ tư vấn pháp lý ở Đồng Nai khi Việt Nam gia nhập WTO.

+ *Dịch vụ tư vấn kế toán, kiểm toán*: Các dịch vụ này chưa phát triển đúng mức ở Đồng Nai. Hiện tại, trên địa bàn tỉnh mới có 3 công ty trách nhiệm hữu hạn hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực tư vấn tài chính kế toán và thuế.

Ngoài ra, ở Đồng Nai còn thiếu vắng các công ty kiểm toán, kế toán nước ngoài do lĩnh vực này chưa được mở cửa rộng rãi.

+ *Dịch vụ tư vấn xây dựng*: Dịch vụ này ở Đồng Nai phát triển tương đối tốt, đã đảm nhận được 10 loại tư vấn xây dựng khác nhau theo quy định quốc tế. Toàn tỉnh có 45 doanh nghiệp tư vấn xây dựng hoạt động, trong đó 5 doanh nghiệp hoạt động tư vấn chuyên ngành và đa phần là các doanh nghiệp ngoài quốc doanh. Hàng năm, các doanh nghiệp tư vấn xây dựng đã đạt doanh thu khoảng 15-20 tỷ đồng, mức tăng trưởng từ năm 1991 đến nay đạt 10%/năm.

Trình độ tư vấn xây dựng của các doanh nghiệp Đồng Nai khá tốt, đủ sức phối hợp cùng tư vấn nước ngoài triển khai nhiều dự án quan trọng trên địa bàn tỉnh. Thị trường tư vấn xây dựng ở Đồng Nai đã cơ bản hình thành.

Tuy vậy, các loại hình tư vấn xây dựng chưa đa dạng, hoạt động tư vấn chủ yếu liên quan đến dự án nhà nước, chưa thu hút được khách hàng là doanh nghiệp ngoài quốc doanh, nhất là doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.

- *Dịch vụ đào tạo*

Dịch vụ đào tạo bước đầu phát triển ở Đồng Nai. Trên địa bàn tỉnh có hệ thống 15 trường dạy nghề thuộc Trung ương, địa phương và dân lập, bao gồm 1 trường đại học, 3 trường cao đẳng, 11 trường trung học chuyên nghiệp.

Đồng Nai đã tích cực xã hội hóa giáo dục. Hiện nay, trên địa bàn tỉnh có 1 trường đại học dân lập; 36 trường phổ thông hệ bán công và dân lập; 27 trung tâm dạy nghề tư nhân; 20 trung tâm học tập cộng đồng; hơn 200

cơ sở đào tạo nghề dưới hình thức truyền nghề, mỗi cơ sở kèm cặp 1-5 người cho đến khi thạo việc, hàng năm cung cấp khoảng 1.000 lao động có tay nghề. Các doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài cũng tham gia đào tạo ban đầu cho người lao động. Ngoài ra, tỉnh khuyến khích các cơ sở đào tạo trong tỉnh liên kết với các cơ sở đào tạo ngoài tỉnh mở các lớp đại học và trung học, cao đẳng tại chức.

Trên địa bàn tỉnh còn có một số trường, cơ sở dạy nghề của Thành phố Hồ Chí Minh tham gia vào hoạt động dạy nghề (chủ yếu là đào tạo theo yêu cầu của các doanh nghiệp hoặc huấn luyện nâng cao trình độ, nâng bậc cho công nhân...).

Đồng thời, hệ thống các trung tâm khuyến nông, khuyến lâm của tỉnh cũng góp phần bồi dưỡng, đào tạo bổ sung một số nghề cho lao động nông thôn, lao động lâm, ngư nghiệp của tỉnh.

Xét về công suất thiết kế, năng lực chung của toàn bộ cơ sở có dạy nghề trong tỉnh khoảng 35.000 người, chưa tính các hình thức dạy nghề, truyền nghề tại nhà, tại các cơ sở sản xuất - kinh doanh nhỏ, hệ thống dạy nghề tại các doanh nghiệp cũng như một số cơ sở dạy nghề của Trung ương và Thành phố Hồ Chí Minh.

Theo thống kê, các cơ sở dạy nghề trong tỉnh đã đăng ký đào tạo khoảng 65 nghề; 37 cơ sở có dạy nghề trong tỉnh đã đăng ký đào tạo khoảng 202 lượt nghề, thực tế tiến hành đào tạo là 176 (87,13% số lượng đăng ký).

Tuy nhiên, hoạt động đào tạo ở Đồng Nai còn một số hạn chế sau:

+ Các trường đào tạo thuộc tỉnh quản lý chưa thể hiện được tính quy hoạch nguồn nhân lực dài hạn nên chất lượng đầu ra chưa thật sự phù hợp với nhu cầu của các doanh nghiệp về ngành, nghề, nhất là chuyên ngành kỹ thuật.

+ Tỉnh không có quyền định lượng và định hướng các đối tượng trong việc tuyển sinh vào các ngành nghề do các trường đào tạo thuộc Trung ương quản lý nên việc đào tạo còn lệch pha so với nhu cầu của địa phương.

+ Đầu tư cho các cơ sở đào tạo nghề tuy có tăng hơn giai đoạn trước nhưng còn thấp xa so với nhu cầu, nhất là đầu tư vào máy móc thiết bị thực hành.

+ Do mức đầu tư còn thấp nên cơ sở vật chất của các cơ sở đào tạo chưa đảm bảo chất lượng đào tạo. Đa số các cơ sở dạy nghề tư thực, dân lập có mặt bằng nhỏ bé, chật hẹp, phần lớn là nhà ở của chủ cơ sở hoặc thuê mượn nhà dân cải tạo thành nơi vừa học, vừa thực hành.

+ Hầu hết các cơ sở dạy nghề có thiết bị không đáp ứng yêu cầu. Các đơn vị đào tạo của Nhà nước tuy được đầu tư tốt hơn nhưng tỷ lệ trang thiết bị dạy nghề lạc hậu và trung bình còn chiếm tới 84%.

+ Chương trình đào tạo nghề cũng chưa thật sự phù hợp, thậm chí chưa có đầy đủ các chương trình.

+ Quy mô đào tạo nghề hàng năm vẫn chưa gắn chặt với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và chưa tương xứng với vai trò, vị trí của tỉnh trong vùng kinh tế trọng điểm phía Nam.

+ Ngành nghề đào tạo tuy đa dạng về số lượng, chủng loại, nhưng vẫn chưa đáp ứng đầy đủ các nhu cầu về nghề của thị trường lao động, đặc biệt là nhu cầu về các nghề dịch vụ của các khu công nghiệp.

+ Đội ngũ giáo viên phần lớn là thỉnh giảng, thiếu về số lượng và không ổn định, ít có cơ hội cập nhật kiến thức, nâng cao trình độ chuyên môn và năng lực sư phạm.

- Dịch vụ y tế

Dịch vụ y tế được tỉnh chú trọng phát triển trong nhiều năm nay. Đến năm 2004, trên địa bàn tỉnh có 20 cơ sở y tế, 11 trung tâm y tế ở các huyện, thị xã, thành phố, 13 phòng khám đa khoa khu vực, 171 trạm y tế xã, phường, lâm trường. Tổng số giường bệnh là 3.460, tăng 13,51% so với năm 1992, đạt bình quân 15,73 giường bệnh/1 vạn dân.

Các chương trình y tế quốc gia, y tế cộng đồng đã giúp Đồng Nai hạn chế được nhiều dịch bệnh. Các bệnh viện từ tuyến huyện đến tỉnh đã được đầu tư máy móc thiết bị hiện đại, đủ sức phẫu thuật và chữa các ca bệnh khó. Người nghèo đã được cấp bảo hiểm y tế (96,88%).

Hệ thống cơ sở y tế tư nhân cũng có sự phát triển tốt. Hiện tại, Đồng Nai có 4 phòng khám đa khoa, 230 phòng khám chuyên khoa, 398 phòng khám nội tổng quát, 28 phòng siêu âm, 21 phòng X-quang, 189 phòng chữa răng...

- Dịch vụ văn hóa

Dịch vụ này ở Đồng Nai đã phát triển trên diện rộng với nhiều loại hình phong phú như báo chí, xuất bản, in, phát hành sách, băng đĩa điện ảnh, nghệ thuật biểu diễn (karaoke, vũ trường, ca nhạc...), quảng cáo, photocopy, Internet... Chỉ riêng thành phố Biên Hòa đã có 643 cơ sở dịch vụ văn hóa, nhiều nhất là cơ sở kinh doanh karaoke và Internet.

Nhìn chung, chất lượng dịch vụ văn hóa còn thấp, cung cách kinh doanh chưa chuyên nghiệp, quy mô đầu tư còn nhỏ. Năng lực dịch vụ văn hóa hiện tại của Đồng Nai chỉ đáp ứng nhu cầu tại chỗ cho tầng lớp có thu nhập trung bình trở xuống và chưa đủ sức cạnh tranh với dịch vụ văn hóa của Thành phố Hồ Chí Minh.

- Dịch vụ cho các khu công nghiệp

Trong thời gian qua, ở Đồng Nai đã phát triển một số loại hình dịch vụ cho khu công nghiệp sau:

+ *Dịch vụ cung cấp suất ăn công nghiệp.* Dịch vụ này do các cơ sở chế biến và cung cấp thực phẩm của cả Đồng Nai, Thành phố Hồ Chí Minh và Bình Dương cùng thực hiện. Sở Thương mại - Du lịch phối hợp với Sở Y tế, Ban quản lý các khu công nghiệp quy định tiêu chuẩn vệ sinh suất ăn và tiêu chuẩn của nhà cung cấp:

+ *Dịch vụ nhà ở cho người lao động.* Nhu cầu nhà ở cho công nhân làm việc trong khu công nghiệp rất lớn do 60% người lao động ở đây là dân nhập cư. Tính đến năm 2003, Đồng Nai đã cung ứng được 380.000m² nhà cho thuê, đáp ứng nhu cầu của 86.693 người (trung bình mỗi người thuê nhà được cung cấp 4,4m²).

Hiện tại, trên địa bàn Đồng Nai còn gần 50.000 người chưa có chỗ ở ổn định. Để giải quyết vấn đề bức xúc này, tỉnh Đồng Nai đã quy hoạch 975 ha đất để xây nhà ở cho công nhân với một số chính sách ưu đãi như miễn tiền thuê đất..., nhưng sự hưởng ứng của giới đầu tư còn chưa mặn mà.

+ *Dịch vụ đưa đón công nhân.* Số lao động làm việc trong các khu công nghiệp ở Đồng Nai lên tới 200.000 người ở rải rác tại nhiều địa điểm khác nhau nên việc tổ chức đưa đón công nhân còn gặp nhiều khó khăn. Hiện tại, Đồng Nai mới có 2 doanh nghiệp tham gia lĩnh vực dịch vụ này

và mới đầu tư 144 đầu xe, đưa đón được 16.140 công nhân. Hợp tác xã vận tải và 1 doanh nghiệp khác kết hợp với đưa đón học sinh. Phương tiện vận tải của hai loại hình doanh nghiệp này còn nghèo nàn, vốn vẹn có 30 xe với gần 400 ghế. Nhìn chung, đây vẫn còn là thị trường bỏ ngỏ vì kinh doanh không có lãi nên các doanh nghiệp không tích cực tham gia.

d. Xuất nhập khẩu

**** Hoạt động xuất nhập khẩu thời kỳ trước đổi mới***

Giai đoạn trước đổi mới 1976-1985, hoạt động xuất nhập khẩu của Đồng Nai hầu như không có, việc xuất nhập khẩu hàng hóa chủ yếu do các Tổng công ty của các bộ, ngành Trung ương thực hiện. Mặc dù vậy, các công ty xuất nhập khẩu địa phương cũng được thành lập nhưng chủ yếu làm chức năng tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh, tự tiến hành sản xuất, thu mua, chế biến hàng xuất khẩu với quy mô nhỏ, hoặc tham gia xuất nhập khẩu với tư cách là người được ủy thác xuất nhập khẩu.

Mặt hàng xuất khẩu chủ yếu của các doanh nghiệp địa phương trong thời kỳ này là nông sản (cao su, lạc nhân, hạt điều và tiêu) và đồ thủ công mỹ nghệ, chưa có hàng xuất khẩu công nghiệp. Hàng nhập khẩu chủ yếu là máy móc thiết bị, phụ tùng. Thị trường xuất nhập khẩu tập trung ở các nước thuộc khối SEV. Theo số liệu thống kê, kim ngạch xuất nhập khẩu trên địa bàn tỉnh năm 1985 tính quy đổi là khoảng 4,2 triệu USD, trong đó xuất khẩu khoảng 2,2 triệu USD (chiếm tỷ trọng 56%), nhập khẩu 2 triệu USD.

**** Thời kỳ sau đổi mới đến nay***

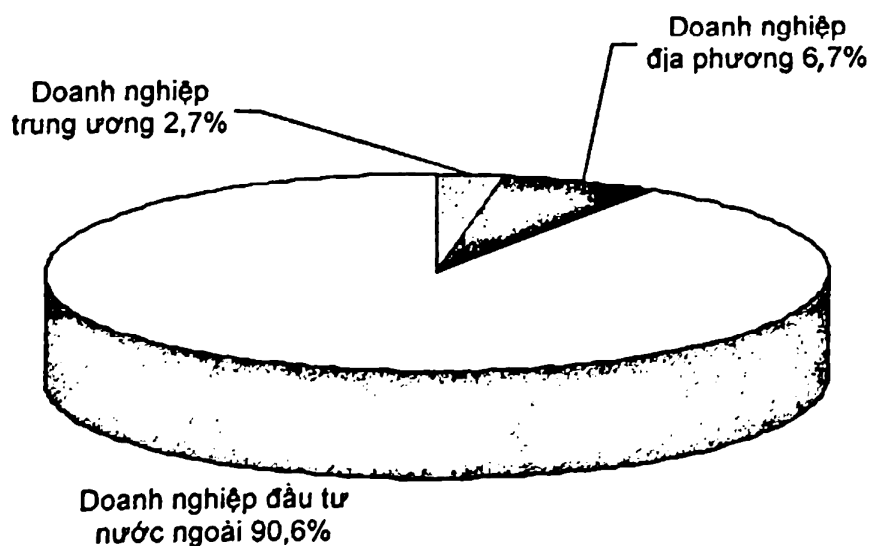
Thời kỳ đầu giai đoạn đổi mới 1986-1990, mặc dù chính sách mở cửa đã bắt đầu được thực hiện, hoạt động kinh tế đối ngoại với các nước khu vực và thế giới bắt đầu được thiết lập, song hoạt động xuất nhập khẩu trong thời điểm này mới ở giai đoạn khởi động, thị trường xuất nhập khẩu vẫn chưa được mở rộng, chủ yếu vẫn là khối SEV. Mặt hàng xuất khẩu vẫn chủ yếu là nông sản, tuy khối lượng tăng gấp nhiều lần so với năm 1985. Nhập khẩu chủ yếu vẫn là máy móc, thiết bị và hàng thiết yếu. Đến năm 1990, kim ngạch xuất khẩu trên địa bàn tỉnh đạt 53 triệu USD, tăng hơn gấp 10 lần năm 1985. Điểm đáng chú ý trong thời kỳ này là các doanh nghiệp xuất nhập khẩu địa phương đã tham gia tích cực hơn, tỷ

trọng kim ngạch xuất nhập khẩu của doanh nghiệp địa phương đã chiếm tới hơn 75% tỷ trọng xuất nhập khẩu trên toàn tỉnh năm 1990.

Hoạt động xuất nhập khẩu của Đồng Nai thực sự phát triển mạnh mẽ bắt đầu từ năm 1991 khi các cơ chế, chính sách khuyến khích sản xuất hàng hóa xuất khẩu được thực thi. Chính phủ đã đẩy mạnh hệ thống chính sách và chiến lược đẩy mạnh xuất khẩu nhằm chuyển dịch từ việc thay thế nhập khẩu sang hướng mạnh vào xuất khẩu, mở rộng quyền kinh doanh ngoại thương và cải cách thể chế kinh tế theo hướng thị trường. Bên cạnh đó, Chính phủ đã chỉ đạo tiếp cận có hệ thống và năng động đối với phát triển xuất khẩu, thể hiện qua việc liên tục đổi mới chính sách cho phù hợp với yêu cầu thực tiễn của kinh tế Việt Nam. Tham gia vào hoạt động xuất nhập khẩu không chỉ thuộc đặc quyền của khu vực nhà nước mà mọi thành phần đều được tham gia, kể cả hộ gia đình.

Kim ngạch xuất khẩu của Đồng Nai trong suốt thời gian 15 năm cho đến nay đạt mức tăng trưởng đặc biệt cao tính cho cả thời gian giảm sút do khủng hoảng kinh tế khu vực, trung bình đạt 36,65%/năm. Tính đến năm 2003, kim ngạch xuất khẩu của tỉnh đã đạt 1,8 tỷ USD, năm 2004 đạt 2,4 tỷ USD, gấp gần 100 lần so với mức năm 1990 (28 triệu USD). Dự kiến kim ngạch xuất khẩu năm 2005 đạt 3,1 tỷ USD.

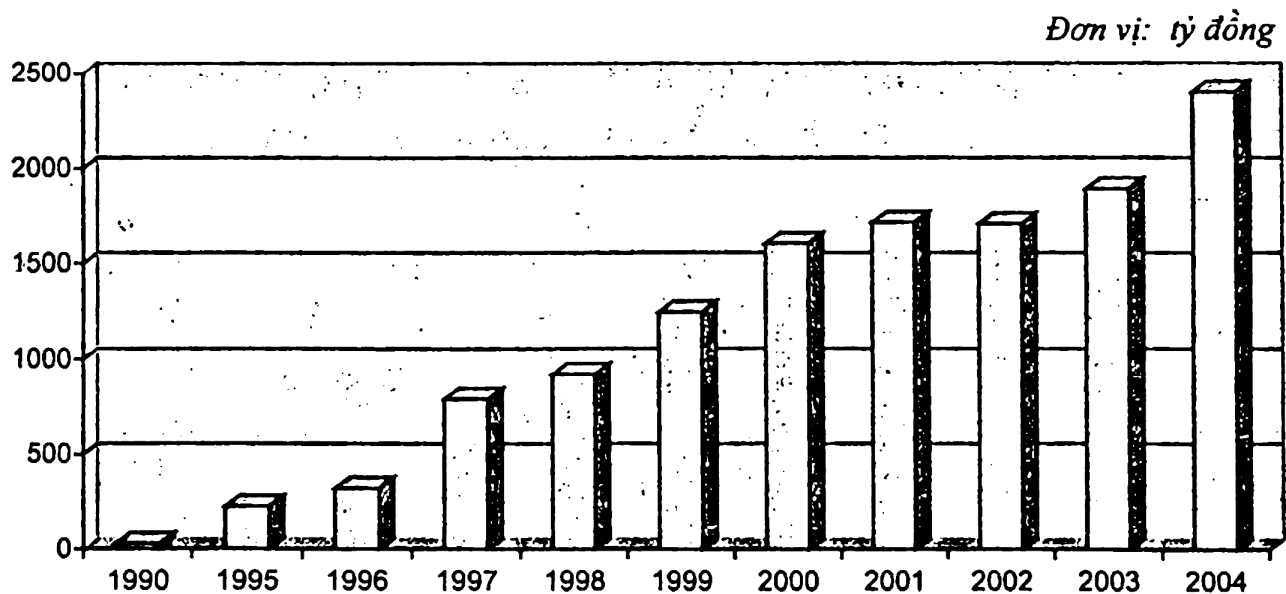
Biểu 14. Tỷ trọng kim ngạch xuất khẩu năm 2004 theo thành phần kinh tế



Nguồn: Sở Thương mại - Du lịch Đồng Nai.

Đáng lưu ý là khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đã có đóng góp ngày càng quan trọng và đang chiếm tỷ trọng gần như tuyệt đối trong hoạt động xuất khẩu của tỉnh (năm 1995 khu vực này chiếm tỷ trọng xuất khẩu là 55,6% thì đến năm 2004 đã là 90,68%). Trong khi đó, xuất khẩu của quốc doanh địa phương giảm mạnh về tỷ trọng (từ 38,39% năm 1995 xuống chỉ còn 6,6% năm 2004), quốc doanh trung ương chỉ chiếm tỷ trọng rất nhỏ (dưới 3%). Việc khu vực có vốn đầu tư nước ngoài chiếm tỷ trọng ưu thế trong xuất khẩu trong nhiều năm qua cho thấy sản phẩm của các doanh nghiệp này có sức cạnh tranh trên thị trường thế giới, đồng thời cũng cho thấy những sản phẩm của họ xuất khẩu được nhiều là do có thị trường ổn định. Các doanh nghiệp trong nước cần có biện pháp nâng cao sức cạnh tranh, tích cực và chủ động mở rộng thị trường cho sản phẩm của mình. Mặt khác, điều này cũng cho thấy hoạt động xuất nhập khẩu của Đồng Nai phụ thuộc chủ yếu vào khu vực có vốn đầu tư nước ngoài.

Biểu 15. Kim ngạch xuất khẩu 1990-2004



Nguồn: Sở Thương mại - Du lịch Đồng Nai.

Cơ cấu hàng xuất khẩu tính cho cả giai đoạn này cũng có xu hướng tích cực, chuyển dịch theo hướng tăng giá trị hàng công nghiệp, đặc biệt là hàng đã qua chế biến và hàng công nghiệp có hàm lượng công nghệ cao, giảm hàng nông lâm sản. Năm 1996, nhóm hàng công nghiệp, tiểu

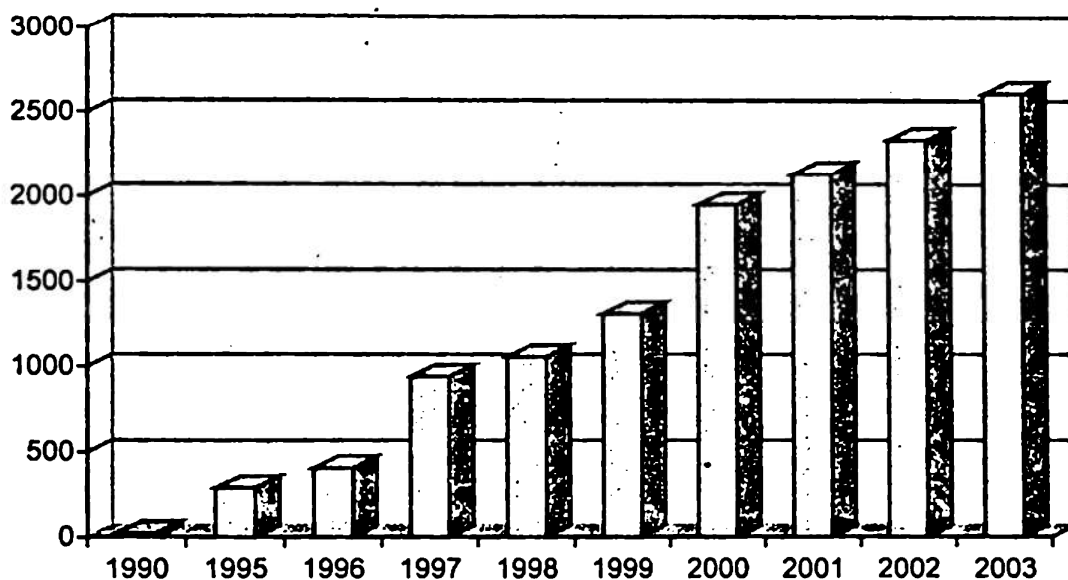
thủ công nghiệp xuất khẩu của tỉnh chiếm tỷ trọng 43% trong kim ngạch xuất khẩu, đến năm 2003 tỷ lệ này là 65%. Nếu tính chung trên địa bàn toàn tỉnh thì dự kiến đến năm 2005, tỷ trọng nhóm hàng công nghiệp xuất khẩu sẽ chiếm từ 95-96% tổng kim ngạch xuất khẩu.

Mặt hàng xuất khẩu ngày càng phong phú đa dạng. Ngoài những mặt hàng truyền thống (chủ yếu là nông sản) trước đây thì nay đã có nhiều mặt hàng công nghiệp và hàng đã qua gia công, chế biến hay chế tác như đồ may mặc, giày dép, hàng điện tử, sản phẩm nhựa gia dụng, máy móc thiết bị, vật tư xây dựng, thực phẩm chế biến, thức ăn gia súc, đặc biệt có những mặt hàng công nghệ cao như máy tính và linh kiện điện tử, bồn áp lực... Đặc biệt là có một số sản phẩm mới có giá trị xuất khẩu tăng nhanh trong những năm gần đây là giấy và các sản phẩm giấy, gỗ chế biến. Riêng mặt hàng gỗ chế biến đã đạt kim ngạch xuất khẩu gần 80 triệu USD trong năm 2003 và dự kiến đạt 100 triệu USD năm 2005.

Thị trường xuất khẩu cũng không ngừng mở rộng và phát triển mới. Đến nay, các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh đã xuất khẩu sang hầu hết các châu lục thế giới, đặc biệt là khu vực châu Á như Nhật Bản, Philippin, Thái Lan, Hàn Quốc, Đài Loan, Hồng Kông, Xingapo... Năm 2003, tỷ trọng xuất khẩu sang khu vực này chiếm tới 65%. Các thị trường khó tính hơn như các nước châu Âu và Mỹ cũng chiếm tỷ trọng đáng kể và xu hướng ngày càng tăng. Đến nay, kim ngạch xuất khẩu của Đồng Nai vào các nước EU đã đạt 100 triệu USD (chiếm tỷ trọng 20%), kim ngạch xuất khẩu vào thị trường Bắc Mỹ đạt từ 200 đến 300 triệu USD hàng năm. Các mặt hàng xuất khẩu chủ yếu vào hai thị trường này là quần áo, giày dép, thực phẩm và hàng nông sản chế biến. Ngoài các thị trường truyền thống, hàng xuất khẩu của các doanh nghiệp Đồng Nai cũng đã tìm đến được những thị trường mới ở châu Phi và Mỹ Latinh.

Nhập khẩu của tỉnh trong giai đoạn này cũng liên tục tăng qua các năm, tốc độ tăng kim ngạch nhập khẩu đạt bình quân hơn 40% năm trong thời gian 15 năm qua. So với năm 1990, kim ngạch nhập khẩu đến năm 2003 đã tăng lên 158 lần, đạt 2,6 tỷ USD, năm 2004 đạt 3,2 tỷ USD.

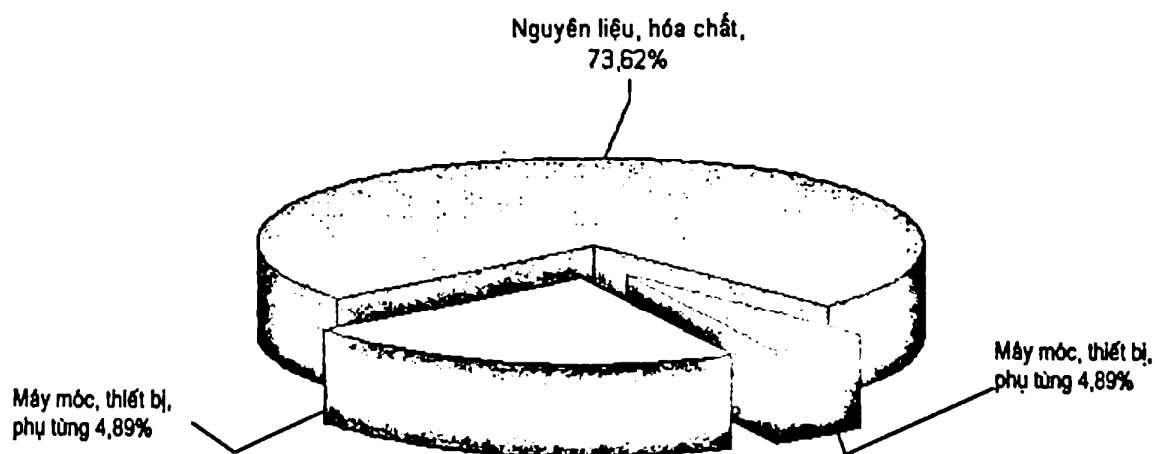
Biểu 16. Kim ngạch nhập khẩu giai đoạn 1990-2003



Nguồn: Sở Thương mại - Du lịch Đồng Nai.

Nhìn chung, những sản phẩm nhập khẩu của tỉnh chủ yếu vẫn là nguyên liệu phục vụ sản xuất của các ngành công nghiệp chế biến, gia công, lắp ráp. Điều này sẽ ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất - kinh doanh của các ngành này một khi những nguồn hàng nhập khẩu trên bị sụt giảm sản lượng do tác động của giá cả, thị trường nhập khẩu và tình hình kinh tế của các nước xuất khẩu hàng hóa cho Đồng Nai nói riêng và Việt Nam nói chung.

Biểu 17. Cơ cấu nhập khẩu năm 2003



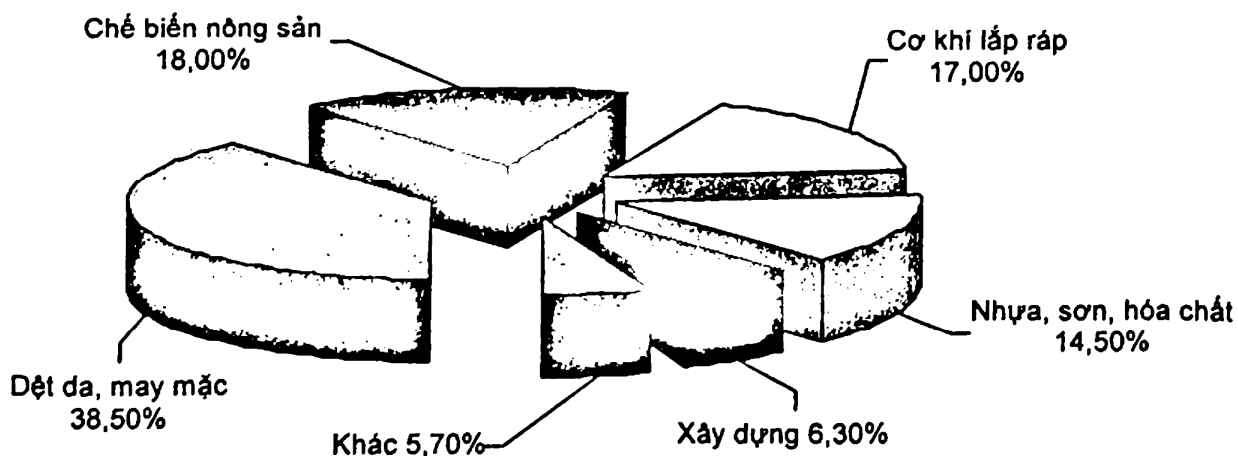
Nguồn: Báo cáo Sở Thương mại - Du lịch Đồng Nai, 2004.

Xét về cơ cấu giá trị, tỷ trọng các mặt hàng nhập khẩu là máy móc, thiết bị và nguyên vật liệu cũng có xu hướng tăng, tỷ trọng hàng tiêu dùng có xu hướng giảm. Tính đến năm 2003, nhóm hàng tiêu dùng chỉ còn chiếm 20% trong tổng kim ngạch nhập khẩu (tỷ lệ này năm 1996 là 48%). Một điểm đáng chú ý nữa là nhập khẩu của các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài trên địa bàn tỉnh luôn chiếm tỷ trọng lớn trong tổng kim ngạch nhập khẩu, khoảng 95% năm 2003.

e. Thu hút đầu tư nước ngoài ở Đồng Nai và tình hình phát triển khu công nghiệp tập trung

Đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Đồng Nai kể từ khi có Luật Đầu tư nước ngoài năm 1988 luôn đóng góp phần quan trọng cho sự phát triển kinh tế của tỉnh, góp phần tích cực thúc đẩy quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa của tỉnh trong thời gian qua. Nhờ có những biện pháp tích cực thu hút đầu tư mà tỉnh đã vận dụng một cách linh hoạt từ những chủ trương chính sách khuyến khích của Nhà nước, Đồng Nai cho đến nay luôn nằm trong số những địa phương dẫn đầu cả nước về thu hút vốn đầu tư nước ngoài.

Biểu 18. Tỷ trọng cơ cấu đầu tư theo ngành nghề của khu vực đầu tư trực tiếp nước ngoài



Nguồn: Báo cáo “Tổng kết quá trình xây dựng và phát triển các khu công nghiệp và chính sách thu hút đầu tư nước ngoài ở Đồng Nai”, Ban Quản lý các khu công nghiệp Đồng Nai, tháng 11-2004.

Tính đến thời điểm năm 1991, cả tỉnh Đồng Nai mới thu hút được 11 dự án có vốn đầu tư nước ngoài với tổng số vốn là 504,8 triệu USD thì

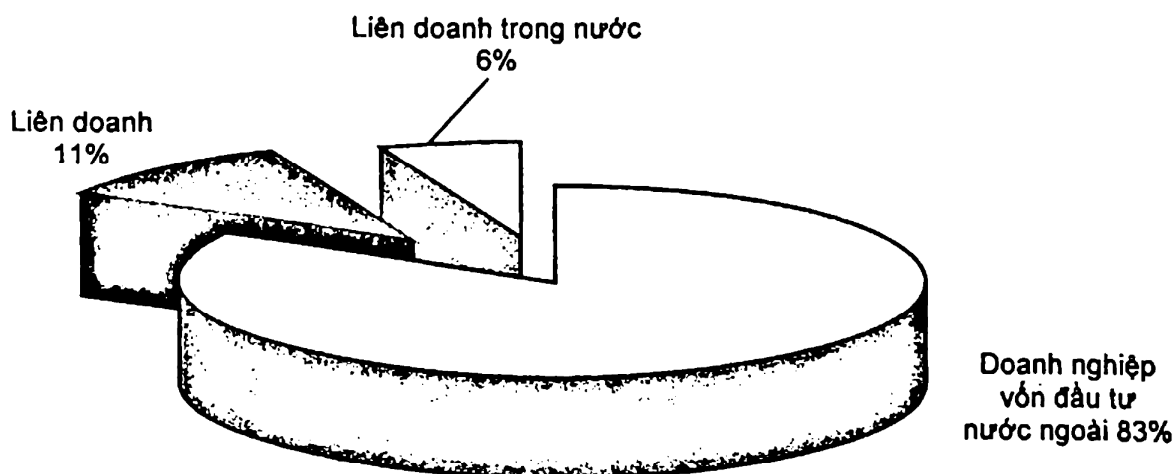
đến hết năm 2004, số dự án đầu tư vào tỉnh đã là 600 dự án với tổng số vốn đăng ký là trên 7 tỷ USD. Hiện nay đã có 30 quốc gia và vùng lãnh thổ có đầu tư vào Đồng Nai.

Số liệu thống kê cho thấy số dự án đầu tư nước ngoài cùng với số vốn đăng ký không ngừng tăng lên qua các năm, ngay cả thời kỳ khủng hoảng tài chính khu vực diễn ra năm 1997-1998, khi đầu tư trên thế giới bị sụt giảm nghiêm trọng. Điều này cho thấy Việt Nam nói chung và Đồng Nai nói riêng thực sự là điểm hấp dẫn thu hút đầu tư nước ngoài nhờ những tiềm năng và thế mạnh của mình. Nếu so với cả nước thì Đồng Nai luôn là tỉnh dẫn đầu về thu hút đầu tư nước ngoài, đặc biệt là trong những năm gần đây còn vượt cả những địa phương có thành tích cao như Thành phố Hồ Chí Minh và tỉnh Bình Dương.

Tính đến tháng 9-2005, Đồng Nai đã quy hoạch tổng thể 23 khu công nghiệp tập trung, trong đó 17 khu công nghiệp chính thức đi vào hoạt động. Diện tích lấp đầy tính chung cho toàn bộ 17 khu công nghiệp này là 2.089,12 ha, chiếm 58,6% diện tích đất dành cho thuê.

Đầu tư nước ngoài tại Đồng Nai tập trung hầu hết ở các khu công nghiệp, và chủ yếu dưới hình thức công ty 100% vốn nước ngoài, còn lại là dưới hình thức liên doanh. Trong số 645 dự án với tổng số vốn đăng ký

Biểu 19. Tỷ trọng cơ cấu vốn đầu tư vào khu công nghiệp Đồng Nai theo hình thức sở hữu



Nguồn: Báo cáo "Tổng kết quá trình xây dựng và phát triển các khu công nghiệp và chính sách thu hút đầu tư nước ngoài ở Đồng Nai", Ban Quản lý các khu công nghiệp Đồng Nai, tháng 11-2004

tại các khu công nghiệp Đồng Nai tính đến hết 2004 là 6,8 tỷ USD thì có đến 450 dự án 100% vốn nước ngoài với vốn đầu tư 5,68 tỷ USD, chiếm 83% tổng số vốn đầu tư, 45 dự án liên doanh với vốn đầu tư 724 triệu USD, chiếm 11%, số dự án đầu tư trong nước là 150 và chiếm tỷ lệ không đáng kể về vốn đầu tư.

Đầu tư nước ngoài tăng nhanh, đặc biệt là chiếm tỷ trọng ngày càng lớn trong tổng giá trị sản lượng công nghiệp của tỉnh, từ 21% năm 1995 đã tăng lên đến 60% năm 2000 và dự kiến sẽ chiếm 64% giá trị sản lượng ngành công nghiệp vào năm 2005. Đầu tư nước ngoài vào Đồng Nai chủ yếu tập trung vào những ngành nghề sử dụng nhiều lao động, có thời gian thu hồi vốn nhanh như dệt may, giày da (chiếm tỷ lệ 38,5%), chế biến nông lâm sản (18%), cơ khí, lắp ráp hàng điện, điện tử gia dụng (17%) công nghiệp nhựa, sơn, hóa chất, phân bón (14,5%), xây dựng (6,3%) và khác (5,7%).

Đầu tư nước ngoài đã có những đóng góp to lớn vào nền kinh tế tỉnh. Với tỷ lệ vốn đầu tư chiếm gần như tuyệt đối trong các khu công nghiệp, các doanh nghiệp đầu tư vào đây tính riêng năm 2003 đã đạt mức doanh thu 3,2 tỷ USD, thu hút 174 nghìn lao động, xuất khẩu 1,5 tỷ USD, chiếm đến 95% kim ngạch xuất khẩu của toàn tỉnh và nộp ngân sách 146 triệu USD. Đầu tư nước ngoài có đóng góp quan trọng trong việc thu hút và chuyên giao công nghệ hiện đại, giải quyết việc làm, thúc đẩy xuất khẩu, đổi mới cơ chế quản lý. Nhờ đó thúc đẩy tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa của tỉnh.

3. PHÁT TRIỂN CÁC THÀNH PHẦN KINH TẾ Ở ĐỒNG NAI GIAI ĐOẠN 1975-2005

Sự phát triển của các thành phần kinh tế ở Đồng Nai luôn chịu sự tác động và chi phối của những chủ trương, chính sách xây dựng và phát triển các thành phần kinh tế của Đảng và Nhà nước ta trong từng thời kỳ cụ thể.

a. Sự phát triển các thành phần kinh tế trong giai đoạn củng cố, xây dựng và phát triển kinh tế theo cơ chế tập trung bao cấp 1976-1985

**** Tình hình chung***

Chủ trương nhất quán của Đảng ta trong thời kỳ này là tập trung xây

dựng và phát triển hai thành phần kinh tế chủ yếu là kinh tế quốc doanh và kinh tế tập thể, coi đây là hai thành phần kinh tế đóng vai trò chủ đạo của nền kinh tế. Nhà nước đã thực hiện chính sách cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với các thành phần kinh tế, mở rộng địa bàn hoạt động của kinh tế quốc doanh và tập thể: tiến hành cải cách công thương nghiệp, chuyển các nhà máy của chủ tư sản cũ sang hình thức công tư hợp doanh sau đó chuyển thành các đơn vị quốc doanh..., thành lập mới nhiều đơn vị kinh tế quốc doanh do Trung ương và địa phương quản lý, đồng thời tích cực vận động thành lập nhiều hợp tác xã thuộc các ngành công nghiệp, thương mại, vận tải và nông nghiệp.

Sau 5 năm tập trung xây dựng hai thành phần kinh tế chủ yếu là quốc doanh và tập thể, đến năm 1980 Đồng Nai đã có 186 xí nghiệp quốc doanh thuộc các ngành sản xuất khác nhau, trong đó 48 đơn vị do Trung ương quản lý và 138 đơn vị do địa phương quản lý, số đơn vị quốc doanh công nghiệp là 109, chiếm 58,6% số đơn vị quốc doanh trên địa bàn. Toàn tỉnh đã thành lập được 80 hợp tác xã thuộc các ngành thương mại, công nghiệp, nông nghiệp và vận tải. Cũng trong những năm này, mặc dù không được khuyến khích phát triển nhưng khu vực kinh tế hộ cá thể phi nông nghiệp đã phát triển khá mạnh, tăng lên đến 11.650 hộ, song chủ yếu bao gồm các hộ kinh doanh thương mại và tiểu thủ công nghiệp. Ngay trong những năm đầu tiên này, việc thực hiện chính sách phát triển các thành phần kinh tế như vậy đã bộc lộ những mặt hạn chế và phản ứng tiêu cực từ xã hội.

5 năm tiếp theo (1981-1985) là những năm Đồng Nai tiếp tục thực hiện chủ trương phát triển hai thành phần kinh tế quốc doanh và tập thể nhưng với bước đi thận trọng hơn. Trong 5 năm đó, số lượng đơn vị thuộc hai thành phần kinh tế này tăng lên đáng kể, đặc biệt là các hợp tác xã: toàn tỉnh đã thành lập thêm 15 xí nghiệp quốc doanh, ngoài các xí nghiệp quốc doanh trực thuộc Trung ương và tỉnh, Đồng Nai còn thành lập các xí nghiệp quốc doanh do cấp huyện quản lý - mỗi huyện có 1 công ty thương nghiệp cấp 3 trực thuộc; thành lập thêm 210 hợp tác xã thuộc các ngành kinh tế, trong đó riêng số hợp tác xã thương

mại, ăn uống, khách sạn là 200. Đến năm 1985, toàn tỉnh có 207 xí nghiệp quốc doanh, trong đó số xí nghiệp do Trung ương quản lý là 50 và 310 hợp tác xã, trong số hợp tác xã này, 279 hợp tác xã thuộc ngành thương mại, hầu như tất cả các xã, phường đều có hợp tác xã mua bán với chức năng chủ yếu là tiếp nhận và phân phối hàng hóa trực tiếp đến người tiêu dùng.

Ngoài hai thành phần kinh tế nói trên, thành phần kinh tế cá thể cũng tồn tại và phát triển đáng kể. Đến năm 1985, Đồng Nai đã có 14.974 hộ sản xuất kinh doanh cá thể thuộc các ngành thương mại, tiểu thủ công nghiệp và vận tải (chưa tính hộ sản xuất nông lâm nghiệp), tức là tăng 7.174 hộ (19,2%) so với năm 1976.

Như vậy, cơ cấu thành phần kinh ở Đồng Nai giai đoạn 1976-1985 bao gồm: kinh tế quốc doanh, kinh tế tập thể, kinh tế cá thể, và sự tăng trưởng kinh tế của tỉnh giai đoạn này phụ thuộc vào ba thành phần kinh tế nói trên, trong đó chủ yếu là kinh tế quốc doanh và tập thể:

+ Tỷ trọng kinh tế quốc doanh trong cơ cấu kinh tế tăng dần từ 24,7% năm 1976 lên 34,2% năm 1985; kinh tế tập thể tuy tăng về số lượng nhưng sự tăng trưởng nhìn chung thấp so với kinh tế quốc doanh nên tỷ trọng kinh tế tập thể trong cơ cấu GDP có xu hướng giảm sút: năm 1976 là 4,5%, nhưng đến năm 1985 giảm xuống còn 2,3%; kinh tế cá thể (tính cả hộ sản xuất nông nghiệp) tuy giảm về tỷ trọng trong cơ cấu GDP song vẫn chiếm tỷ lệ cao - năm 1976 chiếm 70,8% trong GDP, đến 1985 chiếm 63,5%.

+ Tốc độ tăng trưởng GDP bình quân hàng năm của tỉnh giai đoạn 1976-1985 đạt 8%, trong đó kinh tế quốc doanh là 11%; kinh tế tập thể là 1,5%; kinh tế cá thể là 7.1%.

+ Lực lượng lao động làm việc trong các thành phần kinh tế trên địa bàn Đồng Nai giai đoạn 1976-1985 biến động cùng với sự phát triển các thành phần kinh tế trên địa bàn: Số lao động làm việc trong các thành phần kinh tế toàn tỉnh từ 378,84 nghìn người năm 1976 tăng lên 529,3 nghìn người năm 1985, tức là tăng 150,46 nghìn người (tăng 39,72%), trong đó *lao động trong khu vực quốc doanh* tăng khá nhanh, từ 17,79

nghìn người năm 1976 đã tăng lên 87,2 nghìn người năm 1985, tức là tăng 69,41 nghìn người, bình quân mỗi năm tăng 7,7 nghìn người; *lao động trong khu vực kinh tế tập thể* từ 1,2 nghìn người tăng lên 8,5 nghìn người vào năm 1985; *lao động trong khu vực kinh tế cá thể* (tính cả hộ sản xuất nông nghiệp) tăng từ 358,85 nghìn người năm 1976 lên 433,6 nghìn người năm 1985, bình quân mỗi năm tăng 8,3 nghìn người, tức là 2,1%. Cơ cấu lao động theo thành phần kinh tế đã có sự thay đổi theo hướng tăng dần tỷ trọng lao động trong khu vực quốc doanh, tập thể và giảm dần tỷ trọng lao động trong khu vực cá thể: tỷ trọng lao động kinh tế quốc doanh trong cơ cấu lao động xã hội năm 1976 là 5,21%, đến năm 1985 tăng lên 16,47%; tỷ trọng lao động kinh tế tập thể từ 0,32% năm 1976 tăng lên 1,61% năm 1985; tỷ trọng lao động kinh tế cá thể từ 94,47% năm 1976 giảm xuống còn 81,92% vào năm 1985.

**** Sự phát triển của các thành phần kinh tế trong một số lĩnh vực kinh tế chủ yếu trên địa bàn tỉnh giai đoạn 1976-1985***

- Nông nghiệp

Trong giai đoạn 1976-1985, sản xuất nông nghiệp được xác định là mặt trận hàng đầu và thực hiện chính sách phát triển các thành phần kinh tế của Đảng và Nhà nước ta, Đồng Nai đã tập trung phát triển nông nghiệp theo hướng ưu tiên phát triển kinh tế quốc doanh và hợp tác xã nông nghiệp.

+ Số lượng các đơn vị thuộc các thành phần kinh tế: năm 1976, sản xuất nông nghiệp của tỉnh chủ yếu do các hộ nông nghiệp cá thể thực hiện, đến năm 1980 trên địa bàn tỉnh đã thành lập được 30 đơn vị quốc doanh (gồm nông trường, trạm, trại, công ty) và 11 hợp tác xã nông nghiệp, đến năm 1985 toàn tỉnh thành lập được 22 hợp tác xã nông nghiệp (gấp 2 lần so với năm 1980). Đến năm 1985, số lượng đơn vị nông nghiệp quốc doanh giảm xuống còn 20, tức là giảm 10 đơn vị (34%) so với năm 1980, do tỉnh đã sắp xếp lại các đơn vị cùng ngành nghề, quy mô nhỏ kém hiệu quả (chủ yếu là các trạm, trại).

+ Biến động giá trị sản xuất nông nghiệp theo thành phần kinh tế giai đoạn 1976-1985:

Bảng 5: Giá trị sản xuất nông nghiệp và cơ cấu giá trị sản xuất nông nghiệp theo thành phần kinh tế giai đoạn 1976-1985

Thành phần kinh tế	1976	1980	1985	Tăng trưởng %		
				76-80	81-85	76-85
Giá trị sản xuất nông nghiệp (giá cố định 1994)	923,57	1.536,29	2.213,35	13,5	7,58	10,2
- Quốc doanh	-	86,34	258,74	-	24,50	24,5
- Ngoài quốc doanh	923,57	1.449,96	1.954,61	13,5	6,20	8,7
Cơ cấu (%)						
- Quốc doanh	-	5,62	11,68	-	-	-
- Ngoài quốc doanh	100	94,38	88,32	-	-	-

Nguồn: Cục Thống kê Đồng Nai.

Số liệu bảng 5 cho thấy, tốc độ tăng trưởng và tỷ trọng trong cơ cấu giá trị sản xuất của kinh tế quốc doanh nông nghiệp giai đoạn 1976-1985 tăng khá nhanh: tốc độ tăng trưởng bình quân mỗi năm đạt 24,5%, tỷ trọng kinh tế quốc doanh trong cơ cấu kinh tế thành phần từ 0% năm 1976 đã tăng lên 5,62% vào năm 1980, và 11,68% vào năm 1985; tỷ trọng kinh tế ngoài quốc doanh trong nông nghiệp (chủ yếu là hộ sản xuất cá thể) trong cơ cấu thành phần kinh tế tuy có giảm từ 94,38% năm 1980 xuống còn 88,32% vào năm 1985, song vẫn là bộ phận chủ yếu trong cơ cấu các thành phần kinh tế trong lĩnh vực nông nghiệp ở Đồng Nai giai đoạn này.

+ Lực lượng lao động của các đơn vị quốc doanh và hợp tác xã nông nghiệp trong tỉnh đã tăng đáng kể trong giai đoạn này: lao động khu vực quốc doanh năm 1980 là 23.546 người, chiếm 7,38 % tổng số lao động ngành nông nghiệp của tỉnh; năm 1985, tuy giảm về số lượng đơn vị song lực lượng lao động của khu vực này vẫn tăng gần 80% so với năm 1980, bao gồm 42.303 người, chiếm 11% so với tổng số lao động toàn ngành nông nghiệp của tỉnh.

+ Lao động khu vực kinh tế tập thể trong lĩnh vực nông nghiệp cũng tăng đáng kể: năm 1980 có 1.150 người, chiếm 0,36% tổng số lao động nông nghiệp, năm 1985 có 2.500 người, tăng 117,4% so với năm 1980 và chiếm 0,64% tổng số lao động nông nghiệp. Mặc dù lực lượng lao động

hợp tác xã nông nghiệp còn khiêm tốn về số lượng nhưng đã có tốc độ gia tăng nhanh trong 5 năm 1980-1985 nhờ chủ trương phát triển kinh tế hợp tác xã trong giai đoạn này.

Nhìn một cách tổng thể, kinh tế quốc doanh và tập thể trong nông nghiệp giai đoạn thực thi cơ chế kế hoạch hóa tập trung bao cấp (1976-1985) tuy được tập trung đầu tư về nhiều mặt nhưng chủ yếu gia tăng về số lượng, hiệu quả sản xuất còn rất thấp, chưa thể hiện được vai trò chủ đạo trong đời sống kinh tế và ngày càng tỏ ra trì trệ, đặc biệt là kinh tế tập thể còn mang nặng tính hình thức, chưa được cuộc sống chấp nhận - tính đến cuối năm 1982 toàn tỉnh mới tập thể hóa được 14% số hộ, 10% diện tích canh tác, tuy nhiên, trong số tập đoàn hiện có lúc bấy giờ, số tiên tiến chỉ đạt 17%, khá 29%, trung bình 31%, yếu kém 22%; trong 14 hợp tác xã, số tiên tiến đạt 28%, khá 21%, trung bình 14%, yếu kém 36%⁽¹⁾.

- Công nghiệp

Trong giai đoạn thực thi cơ chế quản lý kinh tế tập trung bao cấp, nhờ chủ trương tập trung phát triển kinh tế quốc doanh nên thành phần kinh tế này chiếm ưu thế trong lĩnh vực công nghiệp.

+ Số lượng các đơn vị sản xuất công nghiệp thuộc các thành phần kinh tế: Sau 10 năm xây dựng và phát triển, số đơn vị quốc doanh trong công nghiệp của tỉnh đã tăng từ 80 đơn vị vào năm 1976 lên 109 đơn vị vào năm 1985, tăng 36,25% so với năm 1976. Kinh tế tập thể trong lĩnh vực công nghiệp cũng đã có bước phát triển đáng kể, từ 10 hợp tác xã năm 1980 đã tăng lên 30 hợp tác xã năm 1985. Số cơ sở sản xuất công nghiệp cá thể tăng từ 1.422 hộ năm 1976 lên 2.100 hộ năm 1985, tăng 47,68%, bình quân mỗi năm số lượng cơ sở sản xuất công nghiệp cá thể tăng 4,5%.

+ Giá trị sản xuất công nghiệp của tất cả các thành phần kinh tế trên địa bàn tỉnh năm 1985 đạt 1.083,08 tỷ đồng (giá cố định 1994), bằng 8,24 lần so với năm 1976, mức tăng trưởng bình quân hàng năm thời kỳ này đạt 26,5%, trong đó công nghiệp quốc doanh tăng rất cao, đạt 27,9%, công nghiệp cá thể chỉ tăng 5,4%.

⁽¹⁾ Đảng bộ tỉnh Đồng Nai: *Văn kiện Đại hội đại biểu lần thứ III Đảng bộ tỉnh Đồng Nai*.

+ Cơ cấu giá trị sản xuất công nghiệp đã có sự biến đổi đáng kể, tỷ trọng công nghiệp quốc doanh trong cơ cấu giá trị sản xuất công nghiệp tăng từ 76,77% năm 1976 lên 85,71% năm 1985; tỷ trọng công nghiệp ngoài quốc doanh trong cơ cấu giá trị sản xuất giảm từ 23,23% năm 1976 xuống còn 14,3% năm 1985.

Với sự ưu tiên đầu tư phát triển, công nghiệp quốc doanh ở Đồng Nai đã phát triển rất nhanh trong giai đoạn này và ngày càng đóng vai trò quan trọng trong sản xuất công nghiệp trên địa bàn, đóng góp tích cực vào việc đáp ứng nhu cầu về các sản phẩm công nghiệp không chỉ của Đồng Nai mà còn của các địa phương khác trong cả nước.

- Thương mại, dịch vụ

Cùng với sản xuất công nghiệp, hoạt động thương mại, dịch vụ của kinh tế quốc doanh và hợp tác xã đã có bước phát triển nhanh trong thời kỳ này. Đến năm 1985, Đồng Nai đã hình thành được mạng lưới cơ sở thương mại, dịch vụ quốc doanh và tập thể rộng lớn, phủ kín địa bàn toàn tỉnh, trong đó khu vực quốc doanh đóng vai trò chủ đạo. Năm 1985, toàn tỉnh có 29 đơn vị thương mại quốc doanh, trong đó mỗi huyện có 1 công ty thương mại cấp 3 làm nhiệm vụ bán lẻ hàng hóa, toàn tỉnh có 279 hợp tác xã mua bán và ăn uống, khách sạn, hầu như mỗi xã, phường, thị trấn đều có một hợp tác xã mua bán. Số hộ kinh doanh cá thể ngành thương mại, dịch vụ cũng tăng nhanh trong thời kỳ này, từ 9.850 hộ năm 1980 đã tăng lên 11.624 hộ vào năm 1985, tăng 1.774 hộ (18%).

Lực lượng lao động trong khu vực thương mại, dịch vụ quốc doanh và hợp tác xã tăng khá nhanh: năm 1980 thương mại, dịch vụ quốc doanh có 2.790 lao động, chiếm 16,05% tổng số lao động thương mại, dịch vụ toàn tỉnh, đến năm 1985 khu vực này có 3.402 lao động, tăng gần 22% so với năm 1980 và chiếm gần 15% tổng số lao động thương mại, dịch vụ toàn tỉnh; lao động trong các hợp tác xã thương mại, dịch vụ năm 1980 là 798 người, chiếm 4,6% tổng số lao động ngành thương mại, dịch vụ, đến năm 1985 khu vực này có 2.795 lao động, tăng gần 3,5 lần so với năm 1980 và chiếm 12,3% tổng số lao động ngành thương mại. Lực lượng lao động khu vực thương mại, dịch vụ cá thể năm 1980 là 13.793 người, chiếm 79,35% tổng số lao động ngành thương mại, dịch vụ, đến năm 1985 khu vực này có

16.506 người, tăng 19,7% so với năm 1980 và chiếm 78,71%.

Bảng 6: Cơ cấu bán lẻ

Đơn vị tính: %

Thành phần kinh tế	Năm 1976	Năm 1980	Năm 1985
<i>Tổng số</i>	<i>100</i>	<i>100</i>	<i>100</i>
Thương mại quốc doanh	45	45,5	41
Thương mại hợp tác xã	2	9,5	12,9
Thương mại cá thể	52,7	45	46

Nguồn: Cục Thống kê Đồng Nai.

Cơ cấu bán lẻ của các thành phần kinh tế trong ngành thương mại, dịch vụ đã có sự thay đổi rõ rệt trong giai đoạn 1976-1985.

Số liệu trên cho thấy, năm 1976, thương mại cá thể chiếm phần lớn thị trường bán lẻ với cơ cấu trên 52%, thương mại quốc doanh và tập thể mới xác lập nên chưa đủ sức chi phối thị trường bán lẻ. Sau 10 năm xây dựng, đến năm 1985 thương mại quốc doanh và tập thể đã đóng vai trò chi phối thị trường bán lẻ xã hội với tỷ trọng của 2 thành phần này là 53,9% tổng mức bán lẻ xã hội, trong đó thương mại tập thể đã chiếm 12,9%.

b. Sự phát triển các thành phần kinh tế ở Đồng Nai trong giai đoạn đổi mới 1986-2005

Đây là giai đoạn mà Đồng Nai và các địa phương khác trong cả nước thực hiện chủ trương xây dựng nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa của Đảng và Nhà nước ta. Với chủ trương đó, các thành phần kinh tế được thừa nhận tồn tại lâu dài và phát triển bình đẳng trong cạnh tranh, Nhà nước khuyến khích và hỗ trợ các thành phần kinh tế phát triển, xoá bỏ bao cấp trong hoạt động sản xuất - kinh doanh của doanh nghiệp.

Sự phát triển các thành phần kinh tế ở Đồng Nai những năm 1986-2005 có thể chia thành hai giai đoạn: giai đoạn 5 năm quá độ từ cơ chế quản lý kinh tế tập trung, bao cấp sang cơ chế kinh tế thị trường có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa (1986-1990) và